

Số: *24* /2017/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 39/TTr-SKHCN ngày 20/6/2017, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 166/BC-STP ngày 12/6/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và thay thế Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH, NC.

T8/2017-QĐ(80b)

luh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Vũ Hồng Bắc

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2017/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định chi tiết về sáng kiến và các điều kiện công nhận sáng kiến; thẩm quyền và trình tự xét, công nhận sáng kiến; các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, áp dụng, chuyển giao sáng kiến và các nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến (sau đây viết tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP) và Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN).

c) Các sáng kiến đủ điều kiện và được công nhận theo Quy định này được sử dụng để thực hiện xét các danh hiệu thi đua khen thưởng.

d) Quy định này không áp dụng đối với các đối tượng đề nghị và được công nhận là đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sáng kiến cấp cơ sở là sáng kiến đáp ứng các điều kiện theo Quy định này trong phạm vi huyện, thành phố, thị xã; sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; các tổ chức và doanh nghiệp.

2. Sáng kiến cấp tỉnh là sáng kiến đáp ứng các điều kiện theo Quy định này đã được công nhận ở cấp cơ sở và đã được nhân rộng hoặc có thể nhân rộng hoặc có tác động trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Các thuật ngữ khác thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc xét, công nhận sáng kiến

Việc xét duyệt, công nhận sáng kiến được thực hiện trên nguyên tắc:

1. Đúng trình tự, chặt chẽ, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng thực chất.
2. Đảm bảo thuận lợi, tạo điều kiện tối đa cho người có sáng kiến yêu cầu được công nhận nhằm thúc đẩy các hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Sáng kiến và các điều kiện được công nhận là sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) được cơ sở công nhận, cụ thể:

a) Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

- Sản phẩm, dưới các dạng: Vật thể (dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện, công cụ lao động, sản phẩm, kết cấu công trình...); chất (vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...); vật liệu sinh học (chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen...); giống cây trồng, giống vật nuôi.

- Quy trình (quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

b) Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

- Phương pháp tổ chức công việc (bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu, kinh doanh: sản xuất, thương mại, dịch vụ...).

- Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

c) Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

- Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu, xây dựng quy trình, hồ sơ giải quyết công vụ,...).

- Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá.

- Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện.

- Phương pháp huấn luyện động vật.

d) Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

2. Điều kiện được công nhận là sáng kiến: Sáng kiến theo quy định tại Khoản 1, Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó:

Một giải pháp được coi là có tính mới nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở đó, giải pháp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước.

- Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai trong cơ sở đó, đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

- Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

- Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, cụ thể: Việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật,...), hoặc lợi ích xã hội (nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người,...).

3. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với các quy định của pháp luật hoặc đạo đức xã hội.

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Chương II

THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN ĐƠN, XÉT VÀ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN CẤP CƠ SỞ

Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cấp tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp nơi tiếp nhận đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng hoặc được chuyển giao sáng kiến theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Người có thẩm quyền công nhận sáng kiến quy định tại Khoản 1, Điều này thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

Điều 6. Tiếp nhận đơn và xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở

1. Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến cấp cơ sở do các cơ quan, đơn vị tự quy định phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN.

Nội dung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 5, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN.

3. Thời hạn công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở xét sáng kiến có trách nhiệm xem xét nội dung đơn và thực hiện các thủ tục sau đây:

- Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 05 ngày để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại.

- Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định.

- Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

b) Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày thông báo chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận.

4. Tiêu chí và cách tính điểm khi xét sáng kiến:

a) Tiêu chí đánh giá sáng kiến cấp cơ sở được cụ thể hoá thành phương pháp tính điểm theo thang điểm 100, nhỏ nhất là 01 điểm, cụ thể:

- Sáng kiến có tính mới: Tối đa 30 điểm.

- Quy mô áp dụng của sáng kiến: Tối đa 40 điểm.

- Sáng kiến được áp dụng mang lại lợi ích thiết thực: Tối đa 30 điểm.

b) Quy tắc làm tròn số khi tính điểm chấm sáng kiến:

- Nếu chữ số thập phân đầu tiên sau dấu phẩy lớn hơn hoặc bằng 5 thì tăng chữ số nguyên đầu tiên giáp dấu phẩy lên 1.

- Nếu chữ số thập phân đầu tiên sau dấu phẩy nhỏ hơn 5 thì giữ nguyên số nguyên đầu tiên giáp dấu phẩy.

c) Điểm công nhận sáng kiến: Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận phải có điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng sáng kiến chấm đạt từ 50 điểm trở lên và không có tiêu chí nào có điểm trung bình chung dưới 15 điểm.

d) Xếp loại sáng kiến cấp cơ sở: Trung bình (từ 50 điểm đến 69 điểm); Khá (từ 70 điểm đến 79 điểm); Giỏi (từ 80 điểm đến 89 điểm); Xuất sắc (từ 90 điểm đến 100 điểm).

Điều 7. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở để xét duyệt, công nhận sáng kiến trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình phụ trách.

Thành phần Hội đồng sáng kiến gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức Công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Quy chế làm việc của Hội đồng, số lượng thành viên Hội đồng do người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định.

Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có thể thành lập các tổ chuyên môn để giúp Hội đồng xét và chấm điểm các sáng kiến theo từng lĩnh vực trước khi trình Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở xét và công nhận. Nhiệm vụ, phương thức làm việc, trách nhiệm, trình tự làm việc của các tổ chuyên môn do Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở quy định.

b) Thành viên Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở đăng ký tác giả sáng kiến hoặc tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia chấm điểm và xét sáng kiến đó.

c) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến khi xét sáng kiến đó.

d) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

2. Quy trình họp xét, đánh giá và công nhận sáng kiến được thực hiện theo trình tự sau:

a) Họp các tổ chuyên môn để đánh giá, chấm điểm các sáng kiến (nếu có).

b) Họp Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

- Thư ký Hội đồng sáng kiến cơ sở báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của từng sáng kiến.

- Các thành viên Hội đồng nhận xét đánh giá, phản biện.

- Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến.

- Hội đồng sáng kiến tiến hành chấm điểm theo tiêu chí và cách tính điểm sáng kiến thông qua theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 của Quy định này.

- Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến.

- Tổng hợp kết quả xét công nhận sáng kiến trình người có thẩm quyền công nhận sáng kiến hoặc thông báo không công nhận sáng kiến.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được sử dụng từ nguồn kinh phí của đơn vị quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến.

Điều 8. Công nhận và hủy bỏ việc công nhận sáng kiến cấp cơ sở

1. Người được công nhận sáng kiến:

a) Người được công nhận sáng kiến là tác giả sáng kiến trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

Trong trường hợp sáng kiến do nhiều người tạo ra, nhưng chỉ đề nghị công nhận sáng kiến cho một người thì người được công nhận là tác giả sáng kiến phải có tỷ lệ đóng góp trí tuệ nhiều nhất cho việc tạo ra sáng kiến.

b) Người được công nhận là đồng tác giả sáng kiến là người cùng với người khác cùng nhau trực tiếp tạo ra sáng kiến và phải có tỷ lệ đóng góp tương đương nhau. Số lượng người được công nhận là đồng tác giả không quá 02 người.

2. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoàn tất thủ tục trình thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị ra quyết định công nhận sáng kiến và cấp giấy chứng nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

3. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến.

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Chương III
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN ĐƠN, XÉT VÀ CÔNG NHẬN
SÁNG KIẾN CẤP TỈNH

Điều 9. Thẩm quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Người có thẩm quyền công nhận sáng kiến quy định tại Khoản 1 Điều này thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

Điều 10. Tiếp nhận đơn và xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:
 - Bước 1: Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, người tiếp nhận ghi nhận đơn vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (nếu có) và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN), trong đó ghi rõ thời gian trả lời kết quả công nhận sáng kiến.
 - Bước 2: Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét phân loại sáng kiến theo các lĩnh vực.
 - Bước 3: Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến thành lập các Hội đồng chuyên ngành theo các lĩnh vực để tư vấn, xét và chấm điểm các sáng kiến theo tiêu chí và thang điểm được quy định tại Khoản 7 Điều 10 của Quy định này.
 - Bước 4: Tổ chức họp các Hội đồng chuyên ngành.
 - Bước 5: Cơ quan Thường trực tổng hợp biên bản các cuộc họp của các Hội đồng chuyên ngành, chuẩn bị hồ sơ và nội dung cho cuộc họp của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.
 - Bước 6: Tổ chức họp Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.
 - Bước 7: Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sáng kiến hoặc thông báo không công nhận sáng kiến.

2. Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến:

Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm. Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến 2 đợt:

- a) Đợt 1: Từ ngày 01/6 đến 30/6 hàng năm;
- b) Đợt 2: Từ ngày 01/12 đến 31/12 hàng năm.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, được in trên khổ giấy A4 và đóng thành quyển, có bìa.

Nội dung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 5, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN. Kèm theo đơn có Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị.

4. Thời hạn công nhận sáng kiến:

a) Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét nội dung đơn và thực hiện các thủ tục sau đây:

- Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại.

- Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận đơn, ghi nhận các thông tin liên quan của đơn và lưu giữ hồ sơ đơn phù hợp với quy định.

- Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận đơn.

b) Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thông báo chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận.

5. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nêu cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước và người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

6. Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

7. Đánh giá, xếp loại sáng kiến:

a) Sáng kiến cấp tỉnh được thành viên Hội đồng chuyên ngành chấm theo thang điểm 100, nhỏ nhất là 01 điểm, gồm các tiêu chí:

- Sáng kiến có tính mới: Tối đa 30 điểm.

- Quy mô áp dụng của sáng kiến: Tối đa 40 điểm.

- Sáng kiến được áp dụng mang lại lợi ích thiết thực: Tối đa 30 điểm.

b) Tính điểm sáng kiến: Điểm sáng kiến là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng chuyên ngành chấm sáng kiến đó, lấy phần nguyên sau khi đã làm tròn số (Nếu chữ số thập phân đầu tiên sau dấu phẩy lớn hơn hoặc bằng 5 thì tăng chữ số nguyên đầu tiên giáp dấu phẩy lên 1, nếu chữ số thập phân đầu tiên sau dấu phẩy nhỏ hơn 5 thì giữ nguyên số nguyên đầu tiên giáp dấu phẩy).

c) Sáng kiến được đưa ra Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận là sáng kiến được ít nhất trên 1/2 thành viên Hội đồng chuyên ngành chấm điểm, đồng thời có điểm trung bình chung đạt từ 70 điểm trở lên và không có tiêu chí nào có điểm trung bình chung dưới 25 điểm.

d) Tiêu chí xét sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được cụ thể theo 02 tiêu chí: “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý”. Trong trường hợp thành viên Hội đồng sáng kiến đánh giá “Không đồng ý” phải nêu rõ lý do. Sáng kiến được công nhận phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng sáng kiến đánh giá “Đồng ý”.

đ) Xếp loại sáng kiến: Trung bình (từ 70 điểm đến 74 điểm); Khá (từ 75 điểm đến 84 điểm); Giỏi (từ 85 điểm đến 94 điểm); Xuất sắc (từ 95 điểm đến 100 điểm).

Điều 11. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng chuyên ngành

1. Hội đồng xét sáng kiến cấp tỉnh:

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Thành phần gồm có Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác của Hội đồng là thủ trưởng một số sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy viên thư ký là Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Số lượng thành viên Hội đồng từ 7 - 9 người, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Chủ tịch Hội đồng xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Hội đồng.

Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức xét và trình cấp có thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh theo các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này.

b) Cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

2. Hội đồng chuyên ngành:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho thủ trưởng Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định thành lập các Hội đồng chuyên ngành để chăm và xét các sáng kiến theo các lĩnh vực khác nhau.

b) Hội đồng chuyên ngành gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên Hội đồng, Ủy viên thư ký, là những người có trình độ quản lý hoặc chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến.

Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng chuyên ngành do thủ trưởng Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định, nhưng không vượt quá 11 người đối với mỗi Hội đồng.

c) Quy chế làm việc của Hội đồng chuyên ngành do thủ trưởng Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xây dựng, ban hành.

3. Hội đồng chuyên ngành và Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

4. Thành viên Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc các Hội đồng chuyên ngành đăng ký tác giả sáng kiến hoặc tham gia tạo ra sáng kiến thì không được chấm điểm và xét sáng kiến đó.

5. Kinh phí hoạt động của các Hội đồng chuyên ngành và Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh áp dụng theo quy định hiện hành đối với hoạt động của Hội đồng Khoa học công nghệ tỉnh, hàng năm được bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 12. Công nhận và hủy bỏ việc công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Người được công nhận sáng kiến:

a) Người được công nhận sáng kiến là tác giả sáng kiến trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

Trong trường hợp sáng kiến do nhiều người tạo ra, nhưng chỉ đề nghị công nhận sáng kiến cho một người thì người được công nhận là tác giả sáng kiến phải có tỷ lệ đóng góp trí tuệ nhiều nhất cho việc tạo ra sáng kiến.

b) Người được công nhận là đồng tác giả sáng kiến là người cùng với người khác cùng nhau trực tiếp tạo ra sáng kiến và phải có tỷ lệ đóng góp tương đương nhau. Số lượng người được công nhận là đồng tác giả không quá 02 người.

2. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người.

3. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến.

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 13. Phổ biến sáng kiến

1. Các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...); hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng.

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội.

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Việc phổ biến sáng kiến trong hoạt động quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo quy định hoạt động sáng kiến do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quy định; chỉ được phổ biến khi có ý kiến cho phép của cơ quan quân sự, công an địa phương.

Điều 14. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tuần lễ sáng kiến cấp tỉnh, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp sau đây để khuyến khích tác giả sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

b) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và hưởng các chế độ phúc lợi khác.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Thái Nguyên tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị mình.

Chương V
**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG VỀ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN**

Điều 15. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sáng kiến

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh và có trách nhiệm sau đây:

a) Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, chính sách, kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật và kiến thức cơ bản về nội dung hoạt động sáng kiến cho các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động sáng kiến cho các cán bộ theo dõi, quản lý hoạt động sáng kiến thuộc các ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sáng kiến của địa phương.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành đăng ký, triển khai, áp dụng, chuyển giao và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài.

d) Đề xuất các cơ chế chính sách, các biện pháp phù hợp để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quần chúng lao động tham gia các hoạt động sáng tạo, góp phần làm lợi cho xã hội và phát huy năng lực của mỗi người; phổ biến, nhân rộng việc áp dụng các sáng kiến được tạo ra hoặc đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép áp dụng những sáng kiến và giải pháp có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội vào sản xuất và đời sống.

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện chính sách, chấp hành pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình và xử lý các hành vi xâm phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến.

e) Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ (theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN).

Điều 16. Quản lý hoạt động sáng kiến trong các cơ quan, tổ chức Nhà nước

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, tùy theo tình hình thực tế, có trách nhiệm phân công bộ phận theo dõi về hoạt động sáng kiến, thực hiện chức năng quản lý hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

2. Có nhiệm vụ xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quản lý hoạt động sáng kiến ở cấp cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình.

3. Tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký, áp dụng và công nhận sáng kiến theo quy định tại Quy định này.

4. Thực hiện các biện pháp khuyến khích tác giả sáng kiến, người đăng ký áp dụng sáng kiến và đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo trong cơ quan, tổ chức mình. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến theo quy định của Nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và doanh nghiệp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động sáng kiến.

2. Kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ các biện pháp cụ thể để triển khai việc thi hành các chính sách của Nhà nước về hoạt động sáng kiến và tổ chức thực hiện các biện pháp đó; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến.

3. Phổ biến các sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận nhằm khuyến khích phong trào lao động, phát huy sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành, đơn vị.

4. Tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về hoạt động sáng kiến.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến (theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN).

6. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thanh tra, kiểm tra về hoạt động sáng kiến trên địa bàn quản lý.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cấp, các ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo, có nhiều sáng kiến mới đạt hiệu quả cao, được công nhận sáng kiến ở các cấp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

Điều 19. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng, các cơ quan, tổ chức, địa phương thực hiện khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tác giả sáng kiến và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong lãnh đạo, chỉ đạo, phát triển, nhân rộng, thúc đẩy các hoạt động sáng kiến.

2. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sáng kiến và Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở nhận chuyển giao sáng kiến được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Đối với các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức vi phạm quy định quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến, việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh tới cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Vũ Hồng Bắc